

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-ST

Ngày: 19-6-2019.

“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Nga.
2. Ông Nguyễn Công Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2018/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn K, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Trương H, xã Thạnh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông Quách Thanh N, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trương H, xã Thạnh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Quách Thị Mỹ H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Trương H, xã Thạnh T, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2018 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Trương Văn K trình bày:

Vợ chồng ông N, bà H có mua vật liệu xây dựng của ông đã lâu, đến nay còn nợ lại số tiền 166.940.000 đồng chưa thanh toán. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà H trả nợ nhưng chỉ hứa chứ không thanh toán. Ngày 17/10/2018 ông yêu cầu tổ hòa giải ấp Trương H, xã Thạnh T giải quyết, tại buổi hòa giải do ấp tổ chức ông N thừa nhận nợ và đồng ý trả cho ông toàn bộ số tiền nêu trên, xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông N chỉ hứa chứ không thực hiện. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông N, bà H trả cho ông số tiền còn nợ 166.940.000 đồng, cho trả mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi dứt nợ.

Bị đơn ông Quách Thanh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị Mỹ H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Buộc bị đơn ông N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H hoàn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 166.940.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông N có nơi cư trú tại ấp Trương H, xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn ông N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông N, bà H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông K yêu cầu vợ chồng ông N, bà H trả tiền mua nợ vật liệu xây dựng số tiền 166.940.000 đồng. Kèm theo đơn khởi kiện ông K cung cấp Biên bản hòa giải cơ sở lập ngày 17/10/2018 của tổ hòa giải cơ sở ấp Trương H, xã Thạnh T, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng do ông Dương Văn O làm tổ trưởng. Tại biên bản nêu trên thể hiện vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 17/10/2018 tổ hòa giải đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa ông K và ông N, tại buổi hòa giải ông K yêu cầu vợ chồng

ông N, bà H trả cho ông số tiền nợ 166.940.000 đồng và đồng ý cho trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Riêng về phía ông N trình bày do công việc làm ăn thất thoát nên nợ nhiều chủ, hàng tháng còn đóng tiền cho thi hành án và còn vợ con, cha mẹ già, nên hứa trả 1.000.000 đồng vào ngày 30 hàng tháng. Do các bên thỏa thuận được với nhau nên tổ hòa giải kết luận hòa giải thành. Tại phiên tòa ông K trình bày ông N chỉ hứa nhưng đến nay vẫn không thực hiện trả nợ theo như thỏa thuận tại tổ hòa giải. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông N, bà H phải trả đủ cho ông số tiền còn nợ 166.940.000 đồng. Tòa án đã lập biên bản xác minh đối với ông Dương Văn O – Tổ trưởng Tổ hòa giải tranh chấp ấp Trương H, xã Thạnh T, ông O trình bày các thỏa thuận trong biên bản hòa giải ấp lập ngày 17/10/2018 ông K nộp cho Tòa án là đúng sự thật.

[2.2] Xét thấy, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý số 323/TB-TLVA ngày 07/12/2018 cho ông N, bà H. Ngoài ra, sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều không thực hiện được lý do ông N, bà H không tham dự. Cụ thể phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/01/2019 ông N, bà H vắng mặt; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo số 11/TB-TA ngày 02/01/2019, ông N nhận trực tiếp vào ngày 04/01/2019. Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần hai vào ngày 18/02/2019, ông N, bà H tiếp tục vắng mặt, dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo số 88/TB-TA ngày 30/01/2019, bà H là người nhận trực tiếp. Hơn nữa Tòa án đã đến nhà ông N, bà H ở ấp Trương H, xã Thạnh T để ghi lời khai vào ngày 26/3/2019 và ngày 10/4/2019 cả hai lần đều không ghi được lời khai do ông N, bà H vắng mặt. Từ khi nhận được thông báo thụ lý vụ án đến nay, cả ông N, bà H đều không có tường trình nộp cho Tòa án để nêu quan điểm của mình trong việc giải quyết vụ án, cũng như phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn ông N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Ông N, bà H vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Xét chứng cứ mà ông K cung cấp có đủ cơ sở khẳng định, ông N, bà H còn nợ tiền mua vật liệu xây dựng của ông K với số tiền 166.940.000 đồng chưa thanh toán là đúng sự thật. Thỏa thuận mua bán tài sản giữa các đương sự trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông N, bà H không thực hiện nghĩa vụ của bên mua là trả tiền cho bên bán, vi phạm quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy ông K khởi kiện yêu cầu ông N, bà H trả lại số tiền còn nợ 166.940.000 đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về thời gian trả nợ: Tại phiên tòa ông K đồng ý cho ông N, bà H trả số tiền còn nợ mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, ông N và bà H vắng mặt, nên các bên không thỏa thuận được thời gian trả nợ. Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của ông K được chấp nhận nên ông N, bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

[5] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn K về việc đòi bị đơn ông Quách Thanh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị Mỹ H trả tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ.

Buộc bị đơn ông Quách Thanh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quách Thị Mỹ H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Trương Văn K

số tiền còn nợ 166.940.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Quách Thanh N và bà Quách Thị Mỹ H liên đới nộp án phí số tiền 8.347.000 đồng (tám triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Trương Văn K tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.173.500 đồng (bốn triệu một trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0003390 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Nam